TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 20/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 31/08/2023
V/v: Tranh chấp Chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thanh Ngân**.

Các Thẩm phán: Ông **Hồ Văn Luông**.

Bà **Lê Thị Thọ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Phương Nhã** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà **Dương Thanh Giềng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

* Bị đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Thanh B, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

- Ông Đặng Văn S. (Vắng mặt)

- Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Đặng Thị Bé N. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đặng Thị Bé B1, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Nguyễn Thị Cà . (Vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn D. (Vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn G. (Vắng mặt)
- Ông Nguyễn Lý H. (Vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn T2. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

* Người kháng cáo: Ông Đặng Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn – bà Trần Thị T trình bày: Trước đây bà và ông Đặng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng. Vào năm 2020, bà và ông C yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và được Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết bằng bản án sơ thẩm số: 132/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020, về tài sản chung bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, án có hiệu lực pháp luật do không ai kháng cáo. Sau đó, bà và ông Đặng Văn C không thống nhất về việc phân chia phần tài sản chung, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung. Trong thời gian chung sống, bà và ông Đặng Văn C có tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng đất số H 01397 tại thửa 671, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.532 m^2, loại đất: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất: Ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang do UBND huyện V, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 02/7/2009, cấp cho ông Đặng Văn C và bà Trần Thị T cùng đứng tên chủ sử dụng. Hiện ông Đặng Văn C đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01397 nêu trên, giá trị đất khoảng 500.000.000 đồng. Trên phần đất này, vợ chồng bà có trồng 200 gốc bưởi hiện đang ra trái, mỗi gốc bưởi trị giá 1.000.000 đồng, tổng cộng 200 gốc bưởi trị giá 200.000.000 đồng.

+ 01 căn nhà cấp 4, tọa lạc tại: Ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang, cất vào năm 2016 khi cất nhà hết số tiền là 100.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết chia đôi số tài sản chung nêu trên cho bà và ông Đặng Văn C làm hai phần bằng nhau, mỗi người một phần.

Ông bà còn có 05 công đất ruộng do cha chồng cho nhưng ông bà chưa đứng tên nên bà không yêu cầu chia.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà rút lại yêu cầu về phần nhà, chỉ yêu cầu chia hai phần bưởi và đất. Bà yêu cầu được nhận giá trị của quyền sử dụng đất và cây bưởi.

Bị đơn - ông Đặng Văn C trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc đã được Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 132/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020, án có hiệu lực pháp luật do không ai kháng cáo.

Lý do của việc tài sản chung thời điểm ly hôn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết: Thời điểm chuẩn bị làm thủ tục ly hôn thì vợ chồng ông có thỏa thuận, nếu trong vụ án ly hôn không yêu cầu chia tài sản thì nợ Ngân hàng ông sẽ trả. Khoản nợ cũng đã trả xong, Tòa án cũng đã giải quyết xong về mặt hôn nhân thì bà Trần Thị T lại nộp đơn tiếp tục yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn. Việc thỏa thuận chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ. Ông bà không có đăng ký kết hôn.

Về phần đất: Ông không đồng ý, vì nguồn gốc phần đất là của ông Đặng Thanh B chuyển nhượng cho cha ông là ông Đặng Văn N1 (đã chết) vào khoảng năm 2009, do cha ông không biết chữ nên nhờ bà Trần Thị T làm thủ tục sang tên và bà T đã làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Đặng Văn C và Trần Thị T, thực tế phần đất này là của cha ông chứ không phải của ông và bà T. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đứng tên ông và bà T thì ông đang giữ, ông đang làm thủ tục chỉnh sửa lại thành tên ông, lý do vợ chồng đã ly hôn, phần đất thực tế của cha ông, cha ông chết thì cá nhân ông được hưởng do đó ông không thừa nhận đây là tài sản chung nên không đồng ý chia. Ông sẽ chứng minh đây là tài sản riêng ông và chịu hậu quả nếu như không chứng cứ chứng minh. Trong thời gian chung sống, ông và bà T cùng sử dụng đất để nuôi cha mẹ, sau khi ly hôn do ông đang quản lý sử dụng.

Về căn nhà: Căn nhà bà T yêu cầu chia tài sản là của cha ông và do cha ông xây cất, ông bà sống chung với cha nên cha để lại cho ở nhờ. Do có mâu thuẫn với bà T, sinh sống chung mái nhà không được nên khoảng 2018 -2019 cha ông cất nhà riêng ở trên phần đất ông và bà T đứng tên. Căn nhà của cha ông đã tháo dỡ trước khi ly hôn. Cha ông chỉ cho ông bà ở nhờ, vì đây là nhà thờ cúng, không cho hẳn ông và bà T, trong quá trình ông và T ở thì cha ông có đưa 30.000.000 đồng để tu sửa căn nhà, mục đích là để giữ căn nhà thờ cúng sau này. Do đó, ông không thừa nhận đây là tài sản chung và không đồng ý chia. Bà T trình bày căn nhà cất vào năm 2016 khi cất hết số tiền là 100.000.000 đồng là không có, chỉ có sử dụng 30.000.000 đồng của cha ông vào mục đích sửa nhà. Trong thời gian chung sống, ông và bà T cùng ở nhờ của cha để thờ cúng ông bà, sau khi ly hôn do ông đang quản lý sử dụng.

Về 200 gốc bưởi: Ông đồng ý đây là tài sản chung và đồng ý chia theo quy định.

Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, ông Đặng Văn C còn yêu cầu chia tài sản chung là 06 chỉ vàng 24k do bà T đang quản lý và yêu cầu phản tố, yêu cầu bà T chịu 1/2 trách nhiệm trả nợ mà ông đã đứng ra trả cho Ngân hàng 02 lần 90.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đặng Văn C rút yêu cầu phản tố đối với phần tiền trả ngân hàng. Đối với số vàng mà bà Trần Thị T đang quản lý, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có yêu cầu ông sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đặng Thanh B trình bày: Ông là anh ruột của ông Đặng Văn C. Phần đất đang tranh chấp giữa bà T và ông C là do cha ông cho ông, sau đó cha của ông kêu ông chia lại cho các anh em và ông có làm thủ tục cho lại vợ chồng ông C phần đất vườn và phần ruộng. Trên phần đất có căn nhà trước đây là của cha ông sau đó cha ông cũng cho lại vợ chồng ông C. Nay vợ ông C yêu cầu chia đất và nhà ông không đồng ý vì đây là đất và nhà của cha ông để lại, ông yêu cầu để lại thờ cúng, không được chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đặng Văn T1 trình bày: Ông là anh ruột của ông Đặng Văn C. Phần đất đang tranh chấp giữa bà T và ông C là do cha ông cho ông, nhưng cha ông để cho ông Đặng Thanh B đứng tên dùm. Sau đó cha của ông có cho lại các con trong đó phần của ông C và bà T là phần đất đang tranh chấp và 05 công ruộng, cùng căn nhà của cha ông. Nhà và đất cha ông đã cho ông C và bà T nên ông không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đặng Thị Bé B1 trình bày:

Bà là chị ruột của ông Đặng Văn C, về nguồn gốc đất đai thì bà không biết rõ. Về căn nhà thì nguồn gốc là của cha bà, sau đó cha bà cho lại ông C và bà T. Đối với nhà và đất thì bà không có yêu cầu gì, tuy nhiên bà không thống nhất việc ông C và bà T3 chia nhà và đất vì đây là của cha bà cho để thờ cúng nên ông C và bà T không còn chung sống thì để lại cho con thờ cúng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Bé N, ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Lý H, ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản của bà Trần Thị T4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với căn nhà cấp 4 trên phần đất có số thửa 671.

Ông Đặng Văn C được sở hữu phần đất thuộc thửa 671, tờ bản đồ số II, diện tích 3.176,7 m^2, tại ấp C, thị trấn N, có tứ cận như sau (có kèm mảnh trích số 101/SHC ngày 08/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ):

Cạnh ngang trước giáp lộ xi măng có số đo 12.41 m.

Cạnh giáp thửa 898 gồm 2 đoạn: đoạn 1 có số đo 3.77 m; đoạn 2 có số đo 51,28m.

Cạnh ngang sau giáp thửa 268 và 202 gồm 2 đoạn: đoạn giáp thửa 268 có số đo 52.63 m; đoạn giáp thửa 202 có số đo 46.07 m.

Cạnh giáp thửa 271 có số đo 42.76 m.

Các cạnh phía giáp thửa 672 gồm 5 đoạn: đoạn 1 có số đo 41.57 m; đoạn 2 có số đo 24.70 m; đoạn 3 có số đo 4.22 m; đoạn 4 có số đo 22.94 m, đoạn 5 có số đo 3.50 m.

Ông Đặng Văn C được sở hữu 101 cây bưởi trên phần đất thuộc thửa 671 (tại thời điểm xét xử gồm có 96 cây loại A và 05 cây loại B).

Ông Đặng Văn C có nghĩa vụ trả 1/2 giá trị cho bà Trần Thị T số tiền 253.807.350 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy ngàn ba trăm năm chục đồng).

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Văn C đối với yêu cầu bà nguyên đơn bà Trần Thị T trả lại 45.000.000 đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2022, bị đơn ông Đặng Văn C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm số 73/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, yêu cầu không chia đôi phần đất tranh chấp, yêu cầu thẩm định lại phần cây trồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, yêu cầu không chia đôi phần đất tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đặng Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét nội dung kháng cáo của ông Đặng Văn C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bị đơn cho rằng nguồn gốc phần đất là của ông Đặng Thanh B chuyển nhượng cho cha ông là ông Đặng Văn N1 (đã chết) vào khoảng năm 2009, do cha ông không biết chữ nên nhờ bà Trần Thị T làm thủ tục sang tên và bà T đã làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Đặng Văn C và Trần Thị T, thực tế phần đất này là của cha ông chứ không phải của ông và bà T. Tuy nhiên, tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vị Thủy cung cấp thì bà Trần Thị T và ông Đặng Văn C được tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa 671, diện tích 3.532m^2 từ ông Đặng Thanh B. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 02/7/2009, do bà Trần Thị T và ông Đặng Văn C đứng tên. Hồ sơ cấp giấy phù hợp với lời trình bày của ông Đặng Thanh B. Hơn nữa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là ông T1, bà B1 đều thể hiện phần đất tranh chấp là do ông Đặng Văn N1 cho lại ông C và bà T.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung giữa bà Trần Thị T và ông Đặng Văn C, chấp nhận yêu cầu được chia ½ giá trị của quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[2] Đối với cây trồng là cây bưởi, phía bị đơn thống nhất là tài sản chung và đồng ý chia theo quy định của pháp luật nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia ½ giá trị cây trồng là cây bưởi có cơ sở.

[3] Phía bị đơn đã có yêu cầu thẩm định lại phần cây trồng là cây bưởi ở cấp sơ thẩm và được cấp sơ thẩm xem xét thẩm định đến 02 lần, có khấu trừ số cây trồng bị hao hụt cho bị đơn. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị cây trồng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm phía bị đơn lại có yêu cầu thẩm định lại phần cây trồng nhưng không thực hiện nộp tạm ứng chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ xem xét.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, cũng như phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 207, 208, 219, 223 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 14, 16 của Luật hôn nhân và gia đình 2016;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản của bà Trần Thị T4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với căn nhà cấp 4 trên phần đất có số thửa 671.

2. Ông Đặng Văn C được sở hữu 101 cây bưởi trên phần đất thuộc thửa 671 (tại thời điểm xét xử gồm có 96 cây loại A và 05 cây loại B).

3. Ông Đặng Văn C được sở hữu phần đất thuộc thửa 671, tờ bản đồ số II, diện tích 3.176,7 m^2, tại ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang có tứ cận như sau (*có kèm mảnh trích số 101/SHC ngày 08/11/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ*):

Cạnh ngang trước giáp lộ xi măng có số đo 12.41 m.

Cạnh giáp thửa 898 gồm 2 đoạn: đoạn 1 có số đo 3.77 m; đoạn 2 có số đo 51.28m.

Cạnh ngang sau giáp thửa 268 và 202 gồm 2 đoạn: đoạn giáp thửa 268 có số đo 52.63 m; đoạn giáp thửa 202 có số đo 46.07 m.

Cạnh giáp thửa 271 có số đo 42.76 m.

Các cạnh phía giáp thửa 672 gồm 5 đoạn: đoạn 1 có số đo 41.57 m; đoạn 2 có số đo 24.70 m; đoạn 3 có số đo 4.22 m; đoạn 4 có số đo 22.94 m, đoạn 5 có số đo 3.50 m.

4. Ông Đặng Văn C có nghĩa vụ trả 1/2 giá trị cho bà Trần Thị T số tiền 253.807.350 đồng *(Hai trăm năm mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy ngàn ba trăm năm chục đồng)*.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nêu trên thì ông Đặng Văn C có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký tài sản đối phần đất thuộc thửa 671, tờ bản đồ số II, diện tích 3.176,7 m^2, tại ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang qua tên riêng của ông Đặng Văn C.

5. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Văn C đối với yêu cầu bà nguyên đơn bà Trần Thị T trả lại 45.000.000 đồng.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải nộp số tiền 12.690.367 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm chín chục ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng). Bà Trần Thị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu tiền số 0008510 ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự, bà Trần Thị T phải nộp thêm 2.690.367 đồng (Hai triệu, sáu trăm chín chục ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

Ông Đặng Văn C phải nộp số tiền 12.690.367 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm chín chục ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Đặng Văn C được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002804 ngày 28 tháng 4 năm 2021 thành án phí, ông Đặng Văn C phải nộp thêm 11.190.367 đồng (Mười một triệu, một trăm chín chục ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

7. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị T và ông Đặng Văn C mỗi người phải nộp 6.727.500 đồng (Sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Bà Trần Thị T đã nộp 9.255.000 đồng, ông Đặng Văn C đã nộp 4.200.000 đồng, ông Đặng Văn C phải nộp thêm 2.527.500 đồng. Phần ông Đặng Văn C nộp thêm 2.527.500 đồng trả cho bà Trần Thị T.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đặng Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Đặng Văn C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002985 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 31/08/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Ngân